

Số: /TB-SCT

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

## THÔNG BÁO

### Công bố công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III năm 2023 của Sở Công Thương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai về ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước,

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

#### 1. Về thu ngân sách:

Tổng thu phí quý III/2023 là 32.620.000 đồng, đạt 10.9% so với dự toán năm, bằng 53,2% so với cùng kỳ năm trước.

Số tiền thu phí quý III/2023 đã được nộp 100% vào ngân sách nhà nước.

#### 2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách quý III/2023 là: 3.421.979.935 đồng.

Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 1.833.181.951 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 1.260.369.249 đồng đạt 24,6% so với dự toán năm, bằng 114,1% so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 201.751.190 đồng đạt 49.8% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước (do năm 2022 không thực hiện nâng mức lương cơ sở).

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 371.061.512 đồng đạt 13.5% so với dự toán năm, bằng 232% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 1.588.797.984 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 351.125.720 đồng đạt 22,3% so với dự toán năm, bằng 69,3% so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 55.122.264 đồng đạt 32,6% so với dự toán năm, bằng 0% so với cùng kỳ năm trước (do năm 2022 không thực hiện nâng mức lương cơ sở).

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 1.182.550.000 đồng đạt 43,8% so với dự toán năm, bằng 74,9% so với cùng kỳ năm trước.

*(Chi tiết theo biểu mẫu 03 đính kèm)*

Hình thức công khai: Công khai trên website <https://socongthuongbp.gov.vn>

Sở thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2023 đến toàn thể công chức, viên chức được biết./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tài chính;
- GD, các PGĐ Sở;
- TT. Khuyến công và TVPTCN;
- Các phòng chuyên môn;
- Website: <https://socongthuongbp.gov.vn>
- Lưu VT, VP (Nga).

**GIÁM ĐỐC**

Đơn vị: Sở Công Thương  
Chương: 416

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 11 tháng 10 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

*ĐV tính: Đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý III	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>32.620.000</b>	<b>10,9</b>	<b>53,2</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>32.620.000</b>	<b>10,9</b>	<b>53,2</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>				
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>300.000.000</i>	<i>32.620.000</i>	<i>10,9</i>	<i>53,2</i>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>300.000.000</b>	<b>32.620.000</b>	<b>10,9</b>	<b>53,2</b>
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>300.000.000</b>	<b>32.620.000</b>	<b>10,9</b>	<b>53,2</b>
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>300.000.000</i>	<i>32.620.000</i>	<i>10,9</i>	<i>53,2</i>
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>12.703.904.000</b>	<b>3.421.979.935</b>	<b>26,9</b>	<b>51,8</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>12.703.904.000</b>	<b>3.421.979.935</b>	<b>22,2</b>	<b>145,0</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.262.000.000</b>	<b>1.833.181.951</b>	<b>22,2</b>	<b>145,0</b>

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.117.000.000	1.260.369.249	24,6	114,1
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	405.000.000	201.751.190	49,8	0,0
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.740.000.000	371.061.512	13,5	232,0
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>4.441.904.000</b>	<b>1.588.797.984</b>	<b>35,8</b>	<b>76,2</b>
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.573.000.000	351.125.720	22,3	69,3
2.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	168.904.000	55.122.264	32,6	0,0
2.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.700.000.000	1.182.550.000	43,8	74,9